

HIỆP ĐỊNH
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ
HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ CU BA
Ngày 12 tháng 10 năm 1995

Với mong muốn tạo các điều kiện thuận lợi cho việc tăng cường sự hợp tác kinh tế giữa hai nước, và đặc biệt cho việc đầu tư của các nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia; và Thừa nhận rằng việc khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau trên cơ sở Hiệp định này sẽ góp phần thúc đẩy sáng kiến của các doanh nghiệp vì sự thịnh vượng của các Bên ký kết. Hai bên đã thỏa thuận như sau

Điều 1

Định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này:

1. Thuật ngữ "đầu tư" không phân biệt thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật và hình thức pháp lý lựa chọn, được hiểu là bất kỳ một loại tài sản nào được đầu tư bởi nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật và các quy định của Bên ký kết đó, và đặc biệt, nhưng không chỉ bao gồm:

- a) Động sản và bất động sản cũng như các quyền khác về tài sản;
- b) Cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và các hình thức tham gia khác vào công ty;
- c) Các khoản tín dụng tài chính về tiền hoặc bất kỳ một quyền nào về việc thực hiện các nghĩa vụ hoặc dịch vụ có giá trị kinh tế;
- d) Các quyền về sở hữu trí tuệ và công nghiệp, bao gồm bằng phát minh sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa, tên thương mại, quyền tác giả, kiểu dáng công nghiệp, bí mật thương mại, bí quyết kỹ thuật (know-how), và uy tín kinh doanh;
- e) Các quyền kinh tế được cho phép theo quy định của pháp luật hoặc theo hợp đồng và bất kỳ một giấy phép hoặc sự cho phép nào theo các đạo luật về các hoạt động kinh tế, bao gồm các quyền về việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" được hiểu là bất kỳ một thể nhân hay pháp nhân nào của một Bên ký kết hoặc đang thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

3. Thuật ngữ "thể nhân" đối với mỗi Bên ký kết được hiểu là bất kỳ cá nhân nào là công dân của một Bên ký kết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó.

4. Thuật ngữ "pháp nhân" đối với mỗi Bên ký kết được hiểu là bất kỳ một tổ chức nào được thành lập tại lãnh thổ của một trong các Bên ký kết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó, không phụ thuộc vào việc tổ chức đó có trách nhiệm hữu hạn hay vô hạn.

5. Thuật ngữ "thu nhập" được hiểu là những khoản tiền thu được từ việc đầu tư, và đặc biệt nhưng không chỉ bao gồm: Lợi nhuận, lợi tức cổ phần, lãi kinh doanh bất động sản (capital gains), lãi tiền vay, tiền bản quyền, phí trả cho việc trợ giúp và các dịch vụ kỹ thuật.

6. Thuật ngữ "lãnh thổ" bao gồm vùng đất liền, vùng biển và vùng dưới đáy biển mà tại đó mỗi Bên ký kết có quyền tài phán và các quyền chủ quyền hợp pháp với pháp luật quốc tế.

Điều 2

Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích các nhà đầu tư của Bên ký kết kia tiến hành đầu tư trên lãnh thổ nước mình phù hợp với luật pháp và các quy định của nước mình.

2. Mỗi Bên ký kết sẽ luôn đảm bảo đối xử thỏa đáng và công bằng đối với các đầu tư được thực hiện bởi các nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ nước mình và sẽ không áp dụng các biện pháp phân biệt đối xử hoặc không chính đáng đối với việc mua bán, duy trì, sử dụng chuyển đổi hình thức, chấm dứt hoặc thanh lý các đầu tư được thực hiện bởi nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của nước mình.

Điều 3

Điều khoản tối huệ quốc

1. Mỗi Bên ký kết, trong phạm vi lãnh thổ của mình, sẽ dành cho các đầu tư được thực hiện và các thu nhập của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia một sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên ký kết đó dành cho các đầu tư được thực hiện và các thu nhập của nhà đầu tư của bất kỳ một nước thứ ba nào.

2. Các quy định nêu tại mục (1) sẽ không được áp dụng đối với bất kỳ các ưu đãi hoặc đặc quyền nào mà một Bên ký kết dành cho hoặc sẽ dành cho các nhà đầu tư của một nước thứ ba do việc Bên ký kết đó là thành viên của bất kỳ một liên minh thuế quan, thị trường chung, khu vực tự do thương mại, hoặc tham gia bất kỳ một Hiệp định khu vực hoặc tiểu khu vực nào hoặc Hiệp định kinh tế quốc tế đa biên, hoặc hiệp định tránh đánh thuế trùng hoặc hiệp định tạo thuận lợi cho việc trao đổi buôn bán qua biên giới.

Điều 4

Bồi thường tổn thất hoặc thiệt hại

Trong trường hợp nhà đầu tư của một Bên ký kết bị tổn thất hoặc thiệt hại về đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia do chiến tranh hoặc các xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp hoặc các sự kiện tương tự khác, thì Bên ký kết nơi việc đầu tư được thực hiện sẽ bồi thường thỏa đáng hoặc sẽ thực hiện các biện pháp phục hồi, đền bù hoặc các thỏa thuận khác. Các khoản thanh toán có liên quan sẽ được tiến hành không chậm trễ nếu không có lý do hợp lý và bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

Các nhà đầu tư sẽ được hưởng một sự đối xử giống như sự đối xử mà Bên ký kết có nghĩa vụ bồi thường dành cho nhà đầu tư nước mình, và trong trường hợp sẽ không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên đó dành cho nhà đầu tư của bất kỳ một nước thứ ba nào.

Điều 5

1. Các nhà đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư của một trong các Bên ký kết sẽ được hưởng sự bảo hộ hoàn toàn và an toàn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

2. Các đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư của một trong các Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ không bị quốc hữu hóa, trưng thu gián tiếp hoặc trực tiếp hoặc bị xử lý bằng bất cứ biện pháp nào có ảnh hưởng tương tự (sau đây gọi là "tước đoạt quyền sở hữu") trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, trừ khi các biện pháp đó được tiến hành vì lợi ích công cộng hoặc quốc gia và được bồi thường thỏa đáng, tiến hành không phân biệt đối xử phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Các khoản bồi thường nêu trên phải tương xứng với giá thị trường thực tế của các đầu tư bị tước đoạt quyền sở hữu ngay trước khi quyết định tước đoạt quyền sở hữu được thông báo công khai. Trong trường hợp giá thị trường của các đầu tư trên không được xác định nhanh chóng, thì khoản bồi thường sẽ được xác định trên cơ sở đánh giá hợp lý các yếu tố như vốn đầu tư, khấu hao, phần vốn đã được chuyển ra nước ngoài và các yếu tố khác. Khoản bồi thường sẽ được tính lãi từ ngày công bố quyết định tước đoạt quyền sở hữu đến ngày thanh toán. Nếu nhà đầu tư bị tước đoạt và Bên ký kết tiến hành việc tước đoạt không thỏa thuận được về vấn đề trên, thì việc xác định khoản bồi thường sẽ được thực hiện theo các thủ tục giải quyết tranh chấp được quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

Khi khoản bồi thường đã được xác định, việc thanh toán bồi thường sẽ được thực hiện nhanh chóng và có hiệu quả, và việc chuyển ra nước ngoài các khoản trên sẽ được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi do các Bên thỏa thuận.

Điều 6

Việc chuyển ra nước ngoài

1. Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo cho các nhà đầu tư của Bên ký kết kia được chuyển tự do ra nước ngoài các khoản thu nhập và các khoản thanh toán khác phát sinh từ việc đầu tư của các nhà đầu tư nêu trên sau khi đã thanh toán xong mọi khoản thuế và các chi phí theo quy định của pháp luật nước mình, bao gồm nhưng không chỉ là các khoản sau:

- a) các khoản thu nhập từ đầu tư theo quy định tại Điều 1;
- b) các khoản bồi thường theo quy định tại Điều 4 và Điều 5;
- c) các khoản thu từ việc bán hoặc thanh lý một phần hoặc toàn bộ các đầu tư.

2) Các khoản thanh toán nêu tại Điều này sẽ được thực hiện theo tỷ giá chuyển đổi có hiệu lực vào ngày chuyển tại lãnh thổ của Bên ký kết nơi mà việc chuyển được thực hiện.

Điều 7

Thế quyền

Trong trường hợp một Bên ký kết hoặc một cơ quan của Bên ký kết này nhận bảo hiểm các rủi ro phi thương mại cho các dự án đầu tư được thực hiện bởi các nhà đầu tư nước mình tại lãnh thổ của Bên ký kết kia và thực hiện việc thanh toán cho nhà đầu tư đó theo bảo hiểm nêu trên, thì Bên ký kết thực hiện việc thanh toán sẽ được công nhận là người thế quyền hợp lệ có các quyền và nghĩa vụ giống như nhà đầu tư được bảo hiểm. Các khoản thanh toán trả cho Bên ký kết hoặc một cơ quan của Bên ký kết đó xuất phát từ việc thế quyền nêu trên sẽ được thực hiện theo quy định của Điều 4, 5 và 6 của Hiệp định này.

Điều 8

Giải quyết tranh chấp giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia

1. Mọi tranh chấp phát sinh từ việc đầu tư giữa một Bên ký kết và nhà đầu tư của Bên ký kết kia sẽ, trong chừng mực có thể, được giải quyết thông qua hòa giải giữa các Bên có liên quan.

2. Nếu vụ tranh chấp nêu tại khoản (1) không giải quyết được thông qua hòa giải trong thời gian 6 tháng kể từ ngày có thông báo bằng văn bản về vụ tranh chấp, thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra, theo sự lựa chọn của nhà đầu tư:

a) Tòa án trọng tài có thẩm quyền tại lãnh thổ của Bên ký kết nơi phát sinh tranh chấp;

b) Tòa án trọng tài được thành lập theo từng trường hợp cụ thể theo các quy tắc về trọng tài của Ủy ban về Luật thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL).

3. Quyết định của Tòa án trọng tài là quyết định cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc đối với các Bên tranh chấp. Mỗi Bên ký kết sẽ công nhận và thi hành quyết định của Tòa án trọng tài phù hợp với pháp luật nước mình.

4. Trong quá trình tố tụng trọng tài hoặc thi hành quyết định của Tòa án trọng tài, Bên ký kết tham gia tố tụng sẽ không đưa phản đối về trường hợp nhà đầu tư của Bên ký kết kia đã nhận một phần hoặc toàn bộ bồi thường theo một bảo đảm về bảo hiểm.

Điều 9

Giải quyết tranh chấp giữa các Bên ký kết

1. Các tranh chấp giữa các Bên ký kết về việc giải thích và áp dụng Hiệp định này, trong chừng mực có thể, sẽ được giải quyết thông qua thương lượng hòa giải bằng con đường ngoại giao.

2. Trong trường hợp vụ tranh chấp nêu tại khoản (1) không giải quyết được trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày một Bên ký kết thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia, thì vụ tranh chấp sẽ, theo yêu cầu của một trong hai Bên ký kết, được đưa ra giải quyết tại Tòa án trọng tài theo quy định của Điều này.

3. Tòa án trọng tài sẽ được thành lập theo cách sau đây: Mỗi bên ký kết sẽ chỉ định một trọng tài viên trong vòng hai tháng kể từ ngày một Bên ký kết thông báo cho Bên kia về ý định đưa vụ tranh chấp ra xét xử tại Tòa án trọng tài. Hai trọng tài viên đó sẽ thỏa thuận chọn một công dân của nước thứ ba làm Chủ tịch của Tòa án trọng tài. Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng 3 tháng kể từ ngày hai trọng tài viên được chỉ định.

4. Nếu việc chỉ định không thực hiện được trong thời hạn nêu tại khoản (3) của Điều này, thì mỗi Bên ký kết có thể đề nghị Chủ tịch Tòa án quốc tế thực hiện việc chỉ định nêu trên. Trong trường hợp ông Chủ tịch Tòa án quốc tế là công dân của một Bên ký kết hoặc không thể thực hiện được chức năng này, thì ông Phó Chủ tịch Tòa án quốc tế sẽ được mời để thực hiện việc chỉ định. Trong trường hợp Phó Chủ tịch là công dân của một Bên ký kết hoặc không thể thực hiện được chức năng này thì thành viên cao cấp tiếp theo của Tòa án quốc tế người không phải là công dân của các Bên ký kết sẽ được mời để tiến hành việc chỉ định.

5. Quyết định của Tòa án trọng tài được đưa ra theo nguyên tắc đa số phiếu và có hiệu lực bắt buộc đối với các Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí trọng tài viên do mình chỉ định và cho các đại diện của mình trong quá trình tố tụng. Chi phí cho Chủ tịch và các chi phí khác được chia đều cho hai Bên ký kết. Tòa án trọng tài sẽ quy định thủ tục riêng của mình.

Điều 10

Phạm vi áp dụng

Hiệp định này sẽ có liên quan đến các đầu tư được thực hiện bởi các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết trên lãnh thổ Bên ký kết kia trước khi Hiệp định này có hiệu lực với điều kiện các đầu tư đó được thực hiện phù hợp với pháp luật và các quy định của nước mình. Hiệp định này sẽ được áp dụng đối với các đầu tư được thực hiện sau đó trong phạm vi áp dụng của Hiệp định.

Điều 11

Việc áp dụng các quy định thuận lợi hơn

1. Trong trường hợp một vấn đề được quy định tại Hiệp định này, và tại các hiệp định quốc tế khác mà cả hai Bên ký kết đều là thành viên hoặc tại pháp luật quốc tế chung, thì quy định nào được coi là thuận lợi nhất cho hai Bên ký kết và các nhà đầu tư của họ sẽ được áp dụng.

2. Trong trường hợp một Bên ký kết, trên cơ sở luật pháp và các quy định của nước mình, quy định các điều kiện thuận lợi hơn các điều kiện quy định tại Hiệp định này, thì các điều kiện thuận lợi hơn đó sẽ được áp dụng đối với các nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

Điều 12

Hiệu lực, gia hạn và chấm dứt Hiệp định

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực kể từ ngày các Bên thông báo cho nhau là đã hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết để đảm bảo cho Hiệp định quốc tế có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn ban đầu là 10 năm và mặc nhiên được kéo dài trong từng giai đoạn 5 năm một.

2. Hiệp định này có thể được chấm dứt bởi mỗi Bên ký kết nếu Bên đó thông báo bằng văn bản cho Bên ký kết kia 6 tháng trước khi Hiệp định hết thời hạn.

3. Trong trường hợp chấm dứt Hiệp định, các quy định nêu trong các Điều từ 1 đến 10 của Hiệp định này sẽ tiếp tục được áp dụng trong thời hạn 10 năm sau đó đối với các đầu tư được thực hiện trước khi Hiệp định chấm dứt.

Làm tại La Habana ngày 12 tháng 10 năm 1995, bằng hai bản chính, bằng tiếng Việt, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự khác biệt về việc giải thích Hiệp định thì sẽ tham chiếu vào bản tiếng Anh.